

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/HS-ST  
Ngày: 14-8-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Quốc Mẫn
- Bà Võ Thị Kiều Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

**Trần Lê M**, tên gọi khác: **H**, sinh ngày 02/8/1997, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An**; **Chỗ ở: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Minh T**, sinh năm 1953(sống) và bà **Lê Thị Ngọc G**, sinh năm 1972 (sống); **A**, chị em ruột: Không có; Bị cáo có vợ tên **Trương Thị Ngọc Á**, sinh năm 2002 (ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ - **Công an huyện Đ**, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Võ Thị Ngọc L**; Tên gọi khác: Như, sinh ngày: 06/7/2002; Nơi sinh: Tỉnh Long An. Nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An**. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông **Võ Công G1**, sinh năm 1970 (chết) và bà **Văn Thị**

**M1**, sinh năm 1972 (sống). Anh, chị, em ruột: Có một người sinh năm 1990. Chồng: **Võ Gia V**, sinh năm 1997, (đã ly hôn); Con: Có 01 người, sinh năm 2019. Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ - **Công an huyện Đ**, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**.

2. Ông **Dương Thanh N1**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

3. Bà **Lê Thị Ngọc G**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

*Người chứng kiến:*

1. Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

2. Ông **Nguyễn Tấn T1**, sinh năm 2002. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/4/2023, **Trần Lê M** và bạn gái tên **Võ Thị Ngọc L** đang ở nhà của **M** tại **Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An**. **M** nảy sinh ý định mua chất ma túy về sử dụng nên đã thỏa thuận với **L** mỗi người góp 50.000 đồng để mua chất ma túy về cùng nhau sử dụng, **L** đồng ý. **L** điều khiển xe mô tô biển số 60AE-059.36 chở **M** đến khu vực **Xóm R thuộc thị trấn H** gặp một người phụ nữ tên **T2** không xác định nhân thân, lai lịch mua 100.000 đồng chất ma túy. Người phụ nữ này bán cho **M** 01 túi nylon có rãnh khếp viền xanh bên trong chứa chất ma túy. **M** cầm túi nylon chứa chất ma túy vừa mua được đưa cho **L** cất giấu vào túi áo khoác jean phía bên trái trước ngực mà **L** đang mặc trên người. Sau đó, **M** điều khiển xe mô tô biển số 60AE-059.36 chở **L** đến **nhà nghỉ B tại ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An** để thuê phòng cùng nhau sử dụng chất ma túy. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày khi **M** và **L** đang làm thủ tục nhận phòng thì bị **Công an xã H, huyện Đ** phát hiện bắt quả tang tạm giữ người và vật chứng vụ án.

Vật chứng vụ án tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 60AE-059.36; 01 áo khoác Jean; 01 túi nylon có rãnh khếp viền xanh bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy.



Tại Kết luận giám định số 343/KL-KTHS ngày 14/4/2023 của **Phòng K Công an tỉnh L** kết luận: “Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon có rãnh khếp viền xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3231 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 118/CT-VKSDH ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** thừa nhận bị cáo cùng với **Trần Lê M** có mua ma túy về sử dụng và hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Đối với vật chứng là 01 áo khoác jean, bị cáo **L** có đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Trần Lê M** mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Võ Thị Ngọc L** mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Về tang vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: Một gói niêm phong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,2316 gam của **Phòng K - Công an tỉnh L** hoàn lại sau giám định và 01 cái áo khoác jean của bị cáo **Võ Thị Ngọc L**.

+ Đối với xe mô tô biển số 60AE-059.36, có số máy VZS139FMB809983, số khung RR6DCB7UMFT809983 do **Phạm Thị N**, sinh năm 1982, nơi cư trú: **ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai** đăng ký chủ sở hữu ngày 27/12/2016. Đến năm 2019, bà **N** bán xe mô tô này cho một người phụ nữ không xác định nhân thân, lai lịch với giá 5.000.000 đồng, quá trình mua bán không làm hợp đồng. Sau đó, **Trần Lê M** mượn xe mô tô biển số 60AE-059.36 từ một người có phụ nữ có tên **N2** tại **thị trấn H**. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh và xác định trên địa bàn **thị trấn H** không có người phụ nữ tên **N2** cư trú, ngày 18/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô này nhưng không có kết quả, xe mô tô này không nằm trong dữ liệu xe mô tô vật chứng. Nên giao xe mô tô này cho Chi

cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tiếp tục quản lý, hết thời hạn quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định.

- Về án phí: Bị cáo **Trần Lê M**, **Võ Thị Ngọc L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo **Trần Lê M**: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo **Võ Thị Ngọc L**: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và những ngày bị cáo bị bắt tạm giam bị cáo rất hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với mẹ già và con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ**, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà **Phạm Thị N**, ông **Dương Thanh N1**, bà **Lê Thị Ngọc G** và người chứng kiến ông **Nguyễn Tấn T1**, ông **Nguyễn Minh Đ** vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của đương sự này nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 10/4/2023, tại **nhà nghỉ B** thuộc **ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**, **Trần Lê M** và **Võ Thị Ngọc L** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,3231 gam, loại Methamphetamine. Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** đủ yếu tố cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.



[4] Xét, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa phương. Ma túy là hiểm họa của con người, cộng đồng và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn tàng trữ để sử dụng, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm không có sự câu kết chặt chẽ với nhau. Trong đó, bị cáo **M** giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu, rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm cùng với bị cáo **L**. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** không bị áp dụng tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trần Lê M** và bị cáo **Võ Thị Ngọc L** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo **L** có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích để sử dụng, thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Cần tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2316 gam và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong của **Phòng K Công an tỉnh L** và 01 áo khoác Jean.

- Đối với xe mô tô biển số 60AE-059.36, có số máy VZS139FMB809983, số khung RR6DCB7UMFT809983 do **Phạm Thị N**, sinh năm 1982, nơi cư trú: **ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai** đăng ký chủ sở hữu ngày 27/12/2016. Đến năm 2019, bà **N** bán xe mô tô này cho một người phụ nữ không xác định nhân thân, lai lịch với giá 5.000.000 đồng, quá trình mua bán không làm hợp đồng. Sau đó, **Trần Lê M** mượn xe mô tô biển số 60AE-059.36 từ một người có phụ nữ có tên **N2** tại **thị trấn H**. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh và xác định trên địa bàn **thị trấn H** không có người phụ nữ tên **N2** cư trú, ngày 18/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với

xe mô tô này nhưng không có kết quả, xe mô tô này không nằm trong dữ liệu xe mô tô vật chứng. Do đó, giao xe mô tô này cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tiếp tục quản lý, hết thời hạn quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định.

Các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 130-18-07/2023 ngày 18 tháng 7 năm 2023.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Trần Lê M** và **Võ Thị Ngọc L** không có thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập, xem xét.

[10] Đối với người phụ nữ có tên **T2** có hành vi bán trái phép chất ma túy cho **Trần Lê M** và **Võ Thị Ngọc L**, do không xác định được nhân thân, lai lịch của người này, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[11] Đối với ông **Dương Thanh N1** là chủ **nhà nghỉ B** có hành vi cho **Trần Lê M** và **Võ Thị Ngọc L** thuê phòng nhưng không biết các bị can thuê phòng để làm nơi sử dụng chất ma túy nên hành vi của **N1** không cấu thành tội phạm có liên quan.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; iddeerm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Lê M** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Lê M** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 10/4/2023.

2. Tuyên bố bị cáo **Võ Thị Ngọc L** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị Ngọc L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 10/4/2023.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam các bị cáo **Trần Lê M** và **Võ Thị Ngọc L** 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2023) để đảm bảo thi hành án.



4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2316 gam và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong của **Phòng K Công an tỉnh L** và 01 áo khoác Jean.

- Đối với xe mô tô biển số 60AE-059.36, có số máy VZS139FMB809983, số khung RR6DCB7UMFT809983, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô này nhưng không có kết quả, xe mô tô này không nằm trong dữ liệu xe mô tô vật chứng, nên giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An quản lý, nếu hết thời hạn quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 130-18-07/2023 ngày 18 tháng 7 năm 2023.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo **Trần Lê M**, **Võ Thị Ngọc L** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thùy Trang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thùy Trang**



